TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 23/01/2024
Về việc: " Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Bà Trần Thị Minh Thâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc: "*Chia di sản thừa kế, chia tài sản chung*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số:1912/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974, có mặt;
Trú tại: Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, có mặt;
Trú tại: Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1930;
Người đại diện hợp pháp của bà B1: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 địa diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 21/02/2023.
2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, có mặt;
3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972, có mặt;
4. Anh Nguyễn Thanh Kh, sinh năm 1980, có mặt;

5. Anh Nguyễn Vĩnh B2, sinh năm 1990, có mặt;
Đồng địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.
6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966, có mặt;
7. Bà Nguyễn Thị Kh1, sinh năm 1969, có mặt;
Đồng địa chỉ: Thôn Th2, xã Ph, TP. Q, tỉnh Bình Định.
8. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1966, có mặt;
Địa chỉ: Thôn Đại Hội, xã Phước An, huyện T, tỉnh Bình Định.
9. Chị Nguyễn Thị Hồng Kh1, sinh năm 1983, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn H 2, xã C1, huyện V, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Nguyễn Văn T1 trình bày: Cha ông là Nguyễn Tấn I(chết năm 2013) và mẹ là bà Nguyễn Thị B1, cha mẹ ông có 07 người con gồm Nguyễn Thanh C3 (chết năm 2017), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th3, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1. Ông C3có vợ là bà Nguyễn Thị H và có 03 con chung là Nguyễn Thanh Kh, Nguyễn Thị Hồng Kh1, Nguyễn Vĩnh B2, cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông được thừa hưởng và tạo lập ngôi nhà trên thửa đất số 309 tờ bản đồ số 11, diện tích 1070 m^2, tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, ngoài ra cha mẹ ông không tạo ra tài sản nào khác. Khi cha ông chết, mẹ ông ở một mình nên mẹ ông có giao nhà đất này cho anh trai Nguyễn Thanh C3 để lo thờ tự và phụng dưỡng mẹ. Tuy nhiên thời gian ông C3còn sống thì ông C3có chăm sóc mẹ, nhưng sau khi ông C3chết thì vợ con ông C3là mẹ con bà Nguyễn Thị H không chăm lo thờ tự cũng như chăm sóc mẹ già. Vì nhà mẹ ông đang ở bị sập nên bà đã yêu cầu ông sửa nhà cho mẹ ở, do đó ông đã dỡ nhà của cha mẹ để xây dựng nhà cho mẹ ở thì bị ông Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh Kh, Nguyễn Vĩnh B2 cản trở. Vì vậy nay ông T1 yêu cầu chia phần di sản của cha là ông Nguyễn Tấn Ilà ½ một thửa đất số 309 tờ bản đồ số 11, diện tích 1070 m^2, còn ½ thửa đất chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị B1. Phần di sản của cha ông để lại thì chia đều cho các đồng thừa kế, ông T1 xin nhận bằng hiện vật. Ngòai ra hộ cha mẹ ông được nhà nước giao 04 thửa ruộng gồm: thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 ; thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2; thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2, tất cả đều Tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.Thời điểm Nhà nước giao ruộng năm 1993, thì hộ cha mẹ ông gồm Nguyễn Tấn Ích, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1. Do đó ông T1 yêu cầu chia ruộng như sau: Thửa số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2 ông yêu cầu chia cho bà Nguyễn Thị Kh1 một nửa và ông một nửa. Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2 thì giao cho ông. Hai thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 và thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2 thì giao cho ông Nguyễn Văn H1. Tại phiên tòa ông T1 xin nhận toàn bộ thửa số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2. Đối với phần xây tường rào, giếng đóng, cây dừa thì

ông T1 thống nhất thỏa thuận với bà H đồng ý trả lại cho bà H số tiền 20.800.000đ, sau khi trừ phần tường rào chia đất cho các con bà H. Ngoài ra ông T1 không có ý kiến gì và không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có các bản khai và tại phiên tòa bà H trình bày: Bà H là vợ của ông Nguyễn Thanh C3, là con dâu của ông Nguyễn Tấn Ivà bà Nguyễn Thị B1, bà và ông C3có với nhau 03 con chung là Nguyễn Thanh Kh, Nguyễn Thị Hồng Kh1, Nguyễn Vĩnh B2, giữa bà với ông C3không có con riêng, con nuôi nào khác. Về quan hệ gia đình phía chồng bà như ông T1 khai là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu chia đất ở thì bà không đồng ý. Vì trước đây bà được mẹ chồng Nguyễn Thị B1 và hai em chồng Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn H1 ký giấy giao nhà cho vợ chồng bà thờ cúng ông bà theo giấy giao nhà từ đường ghi ngày 11/9/2016. Mặt khác, trước đây cha mẹ chồng bà là ông I, bà B1 đã chia đất ở cho hai người con trai là ông T1 và ông H1 mỗi người 01 thửa, còn thửa này giao cho chồng bà là Nguyễn Thanh C3. Hiện nay bà và các con bà không yêu cầu chia phần đất của ông T1 và ông H1. Về phần xây tường rào bà yêu cầu tính trả lại cho bà nếu Tòa chia thừa kế, phần công sức vợ chồng bà thờ cúng gần 20 năm đề nghị Tòa tính công sức của vợ chồng bà. Trường hợp Tòa chia thì kỷ phần thờ cúng nếu có bà giao cho con trai bà là Nguyễn Thanh Kh và Nguyễn Vĩnh B2, phần con gái bà là Nguyễn Thị Hồng Kh1 và phần của bà Nguyễn Thị Th3 đề nghị giao cho bà thì bà cũng thống nhất giao cho Khoa và Bằng. Về phần đất ruộng bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không tranh chấp gì khác. Các tài sản khác bà không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra bà không có ý kiến gì và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 – do Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông T1 trình bày ý kiến bà B1 thống nhất với phần trình bày của ông và bà B1 yêu cầu chia phần tài sản chung, phần của bà được chia tài sản chung và phần chia thừa kế của ông I thì bà giao cho ông T1 trọn quyền sở hữu. Trước đây bà có để lại di chúc cho T1 nhưng nay bà thống nhất giao cho ông T1 sở hữu. Ngoài ra bà B1 không có ý kiến và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông H1 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và phần chia đất ruộng, về phần chia đất ở thì ông không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, ông yêu cầu ông T1 và các chị của ông phải xây dựng trả lại nhà từ đường để thờ cúng ông bà, giao cho các con ông C3. Tại phiên Tòa nếu kỷ phần của ông được chia ông không nhận cũng không giao cho ai mà để thờ cúng ông bà. Phần ruộng thì ông đề nghị chia theo thỏa thuận của biên bản hòa giải tại tòa. Các tài sản khác ông không tranh chấp. Hiện mẹ ông đang ở cùng Nguyễn Văn T1, bà vẫn minh mẫn, nhưng đó là tài sản của cha ông nên ông không đồng ý chia. Ngoài ra ông không ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Kh trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H về quan hệ gia đình, anh

không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về phần chia đất ở. Vì ông bà nội anh đã tạo dựng 03 căn nhà cấp 4, địa chỉ Thôn B, xã Ph, huyện T, ông bà nội đã giao cho ông H1, ông T1 mỗi người 1 căn nhà, còn lại nhà bà nội đang ở giao cho cha anh là Nguyễn Thanh C3. Thời gian ba anh chết năm 2017 thì ông Nguyễn Văn T1 giành cả nhà đất, kết phái với mấy bà cô của anh giành nhà để tự ý tháo dỡ nhà từ đường và tranh chấp. Vì vậy anh yêu cầu Tòa xem xét trả lại căn nhà như cũ ông bà nội đã giao cho ba anh để cho mẹ con anh thờ cúng ba anh. Về phần ruộng anh thống nhất với ý kiến của nguyên đơn chia theo thỏa thuận của các cô chú của anh, anh Kh không tranh chấp phần nhà đất ông bà đã giao cho ông Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn H1, các tài sản khác anh Kh không tranh chấp. Tại phiên tòa anh Kh bỏ về không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh B2 trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H về quan hệ gia đình, anh không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về phần chia đất ở. Về phần ruộng anh thống nhất với ý kiến của nguyên đơn chia theo thỏa thuận của các cô chú của anh, anh B2 không tranh chấp phần nhà đất ông bà đã giao cho ông Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn H1. Tại phiên tòa anh B2 thống nhất nhận kỷ phần của bà Nguyễn Thị Th3 cho, kỷ phần của ông Nguyễn Văn H1, kỷ phần của cha anh và kỷ phần thờ cúng, anh B2 đồng ý thối lại giá trị cho ông H1 theo giá thị trường. Các tài sản khác anh B2 không tranh chấp, chỉ mong Tòa giao phần đất bao nhiêu anh nhận bấy nhiêu. Ngoài ra anh B2 không trình bày và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng Kh1 có đơn xin vắng mặt nhưng có bản khai trình bày: Ông nội chị là Nguyễn Tấn Iv và Nguyễn Thị B1 đã sinh ra 03 người con trai. Ông nội đã tạo lập 03 căn nhà đã giao cho hai chú mỗi người 01 căn cả vườn ở còn lại căn nhà ông bà nội ở đã làm di chúc giao cho ba chị là Nguyễn Thanh C3, nhưng thời gian qua ba chị mất năm 2017 thời gian chưa được 03 năm thì chú Nguyễn Văn T1 và mấy cô về giành nhà nói là anh Kh không có con trai. Ba mẹ chị không biết cách nào, ba chị mất anh em chị nhờ tòa giải quyết giao cho mẹ chị có chỗ thờ cúng ba chị. Mong tòa xem xét vì bà nội chị 88 tuổi không còn minh mẫn nên nhờ tòa xét. Phần chị được nhận chị giao cho mẹ chị là Nguyễn Thị H. Ngòai ra chị không khai và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L thống nhất với phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn, bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, kỷ phần bà nhận sẽ giao cho ông T1. Phần mẹ bà là Nguyễn Thị B1 đang ở cùng Nguyễn Văn T1, mẹ bà vẫn minh mẫn, nên việc bà giao đất cho Tú là quyền của bà. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C thống nhất với phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn, bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Phần mẹ bà là Nguyễn Thị B1 đang ở cùng Nguyễn Văn T, mẹ bà vẫn minh mẫn, nên việc bà giao đất cho Tú là quyền của bà. Tại phiên tòa bà thống nhất thỏa

thuận giao kỷ phần của mình cho ông T1. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kh1 trình bày: Bà Kh1 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Tại phiên tòa bà Kh1 thống nhất giao ruộng cho ông T1, giao kỷ phần của bà nếu được chia cho ông T1. Phần mẹ bà là Nguyễn Thị B1 đang ở cùng Ngyễn Văn Tú, mẹ bà vẫn minh mẫn, nên việc bà giao đất cho Tú là quyền của bà. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th3 trình bày: Bà Th3 thống nhất với phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn, bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Tại phiên tòa bà Th3 cho kỷ phần của bà cho bà H. Phần mẹ bà là Nguyễn Thị B1 đang ở cùng Ngyễn Văn Tú, mẹ bà vẫn minh mẫn, nên việc bà giao đất cho Tú là quyền của bà. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 213,219,609,611,613,623,650,651,652 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 166,179 Luật đất đai để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về chia di sản thừa kế và tài sản chung: Đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1150m^2, diện tích đo đạc thực tế 1.038.9 m^2 thửa đất này chia một nửa là của bà B1, một nửa còn lại là của ông I thì chia đều cho các đồng thừa kế. Đối với các thửa đất lúa gồm: Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2 thì ông T1 xin nhận. Hai thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 và thửa đất số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2 thì ông yêu cầu giao cho ông H1. Các thửa trên cùng tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. Bởi lẽ:

Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn Ichết vào năm 2013 không để lại di chúc nên năm 2022 ông T1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông I. Như vậy vụ án vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 BLDS năm 2015.

Về di sản thừa kế: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của số AI 337927 của ông Nguyễn Tấn I và bà Nguyễn Thị B1 thì thửa đất số 405, tờ bản đồ 09, diện tích 1070m^2; mục đích sử dụng là 400m^2 đất ở tại nông thôn, 670m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng đất ở lâu dài, nguồn gốc sử dụng đất là nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Qua biên bản xác minh ngày 04/4/2023 theo hồ sơ địa chính năm 2013 thì thửa đất trên là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1150m^2

do ông I và bà B1 đứng tên, việc diện tích tăng là do sai số đo đạc (400m^2 đất ở và 750m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thửa đất không trừ vào đất nông nghiệp khi cân đối giao quyền sử dụng đất. Theo diện tích đo đạc thực tế ngày 31/07/2023 thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.038.9 m^2, các đương sự thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế. Như vậy, quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của ông I và bà B1 trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 213, 219 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quyền sử dụng đất nêu trên được chia làm 02 phần mỗi phần 519,45 m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 319,45m^2 đất trồng cây hàng năm.

Về hàng thừa kế: Căn cứ vào các Điều 651, 652 BLDS thì những người được hưởng thừa kế tài sản của ông I bao gồm Bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thanh C3 (ông C3chết 2017 nên Nguyễn Thanh Kh, Nguyễn Thị Hồng Kh1, Nguyễn Vĩnh B2 sẽ thừa kế chuyển tiếp phần ông Cừu), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th3, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1.

Về phân chia di sản thừa kế: Xác định phần di sản của cụ Ích để lại là 519,45m2. Căn cứ vào Điều 651 BLDS năm 2015 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế, với kỷ phần bằng nhau, bà H yêu cầu được tính công sức thờ cúng các đương sự đều thống nhất nên chia di sản cụ Ích 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần được chia là 22,2m^2 đất ở và 35,5m^2 đất vườn. Phần bà B1 sẽ được nhận 57,7m^2 và ½ chia tài sản chung là 519,45 m^2, tổng bà B1 được nhận là 577.15 m^2 (222,2m^2 đất ở và 354,95 m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Phần bà B1 thống nhất để lại cho ông T1. Xét về yêu cầu nhận hiện vật ông T1 cũng như các đồng thừa kế của cụ Ích thấy rằng: Diện tích đất ở chia mỗi kỷ phần 22,2m^2 đất ở là không đủ diện tích để tách thửa, tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất chia thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.038.9m^2 sẽ chia làm 02 phần. Các kỷ phần ông C3, bà Th3, ông H1 và 01 kỷ phần thờ cúng do các con ông C3nhận, các con ông C3phải có nghĩa vụ thối lại kỷ phần cho ông H1 theo giá trị là 118.000.000đồng. Các hàng thừa kế còn lại gồm bà L, bà C, bà Kh1, bà B1 đều thống kỷ phần của mình được hưởng giao cho ông T1 không yêu cầu ông T1 thối lại giá trị.

Xét về yêu cầu chia các thửa đất lúa gồm: Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2 và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2 thì ông T1 yêu cầu được nhận. Hai thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 và thửa đất số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2 thì ông yêu cầu giao cho ông H1. Các thửa trên cùng tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. Xét thấy bị đơn và các đương sự đều thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn do đó ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Xét yêu cầu tính tiền xây dựng hàng rào và các cây được trồng trên thửa đất của bà H, ông T1 thống nhất giao lại cho bà H số tiền 20.800.000 đồng, bà H đồng ý, do đó ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định căn cứ khoản 5 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Thị H cư trú tại xã Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng Kh1 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

2. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn T1, đối với di sản của cha mẹ bà là ông Nguyễn Tấn I(chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị B1 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 405 tờ bản đồ số 09, diện tích 1070m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay theo dự án Vlap có số thửa 309 tờ bản đồ số 11, diện tích 1070m^2 và 04 thửa đất ruộng gồm thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2; thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2; thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2, Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1 Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự đều khai thống nhất ông Nguyễn Tấn I(chết năm 2013), ông I không để lại di chúc, nên thời điểm mở thừa kế là năm 2013. Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn và Điều 623 của Bộ luật Dân sự, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

2.2 Về hàng thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất về hàng thừa kế di sản của Nguyễn Tấn I(chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị B1, cha mẹ ông có 07 người con chung gồm Nguyễn Thanh C3 (chết năm 2017), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th3, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, mà ông I không có con nuôi con riêng nào khác. Ông C3chết có vợ là Nguyễn Thị H, có 03 người con là Nguyễn Thanh Kh Nguyễn Vĩnh B2 và Nguyễn Thị Hồng Kh1 nên Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 651, Điều 652 của BLDS, xác định người thừa kế di sản của ông I thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà B1, ông H1, ông T1, bà L, bà C, bà Th3,

bà Kh1 và các con ông C3gồm anh Kh, anh B2 và chị Kh1 là người thừa kế thế vị cho ông C3.

2.3 Về di sản của ông Nguyễn Tấn Ivà tài sản của Nguyễn Thị B1, tài sản của những người liên quan: Theo Nguyên đơn ông T1 khai cha mẹ ông có 05 thửa đất gồm có thửa đất số 405 tờ bản đồ số 09, diện tích 1070m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay theo dự án Vlap có số thửa 309 tờ bản đồ số 11, diện tích 1150m^2, nhưng thực tế 1038,9 m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 638,9m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và 04 thửa đất ruộng gồm thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2; thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2; thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2, Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, tại thời điểm cấp ruộng năm 1993 gồm có 05 nhân khẩu gồm Nguyễn Tấn I, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1. Hội đồng xét xử thấy rằng: di sản của ông Nguyễn Tấn Iđể lại gồm ½ thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2, trong đó có ½ là tài sản của bà Nguyễn Thị B1, vì đây là tài sản chung của bà B1 và ông I thừa hưởng của cha mẹ để lại. Ngoài ra ông I có 01 suất ruộng trong 04 thửa đất của hộ có các thành viên gồm ông Nguyễn Tấn I, bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1. Mặc dù bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng khi ông I chết thì mẹ chồng bà và anh chị em chồng đã giao thửa đất có nhà thuộc thửa số số 309 tờ bản đồ số 11, diện tích 1038,9 m^2 cho vợ chồng bà theo giấy giao nhà từ đường ngày 11/9/2016, việc giao nhà từ đường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh C3 được lập ngày 11/9/2016, sau khi ông Nguyễn Tấn Ichết, giao vợ chồng bà thờ cúng và phụng dưỡng bà B1. Tuy nhiên nội dung văn bản giao nhà từ đường lập ngày 11/9/2016 của bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thanh C3 không thể hiện cụ thể là giao sở hữu, mà chỉ ghi không được bán. Tuy nhiên, theo bà B1 và các con bà B1 cho rằng từ sau khi ông Nguyễn Thanh C3 chết, bà Nguyễn Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và chăm sóc bà B1.Tại thời điểm hiện nay bà B1 còn sống không nhận sự chăm sóc của bà H, nên ông T1 yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông I và bà Nguyễn Thị B1 có quyền yêu cầu chia tài sản chung là hợp pháp theo Điều 213 và Điều 219 BLDS. Ngoài ra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về chia tài sản chung là ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Kh1 và Nguyễn Văn H1 yêu cầu chia ruộng là có căn cứ. Do đó yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Văn T1 và yêu cầu chia tài sản chung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bên đều mong muốn nhận bằng hiện vật do đó thửa đất 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2, được chia như sau: Chia ½ thửa đất là tài sản của bà Nguyễn Thị B1 có diện tích là 519,45m^2 , ½ thửa đất là di sản của ông Nguyễn Tấn Ico diện tích là 519,45m$^{2.}$ Trong thời gian vợ chồng ông C3, bà H đã thực hiện thờ cúng nhiều năm nên bà H yêu cầu được chia kỷ phần thờ cúng là phù hợp. Do đó di sản của ông I được chia 09 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 57,7m^2, trong đó có 22,2m^2 đất ở và 35,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Kỷ phần của các bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Kh1 Nguyễn Thị B1 thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn T1. Cộng với phần chia tài sản của bà B1 và kỷ phần của ông T1 thì ông Nguyễn Văn T1 được nhận tổng cộng là 807,95m2, trong đó 311m^2 đất ở và 496,95m^2 đất trồng cây hàng năm khác.Tuy nhiên khi chia diện tích có phần chênh lệch so với kỷ phần là 804,8m^2, ông T1 thống nhất không tính phần chênh lệch.

Kỷ phần của ông Nguyễn Văn H1 không đủ diện tích để chia bằng hiện vật, trong khi đó kỷ phần bà Nguyễn Thị Th3 cho bà Nguyễn Thị H và các con bà H, với kỷ phần của ông Nguyễn Thanh C3, kỷ phần công sức thờ cúng của vợ chồng bà H ông Cừu. Bà H và chị Khanh đều thống nhất giao cho Nguyễn Thanh Kh, Nguyễn Vĩnh B2 nên anh Kh và anh B2 được nhận tổng cộng 04 kỷ phần trên là 230,8m^2 (88,8 m^2 đất ở và 142m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Tuy nhiên khi chia diện tích có phần chênh lệch so với kỷ phần là 234,1m^2.

Đối với kỷ phần của ông H1 do anh Kh và anh B2 nhận nên anh Kh và anh B2 có nghĩa vụ thối lại cho ông H1 theo giá thị trường 5.000.000đ/m^2 đất ở và 40.000đ/m^2 đất trồng cây hàng năm khác, có tổng giá trị là 118.000.000đ.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu trả lại nhà đã tháo dỡ là không có căn cứ, vì nhà sập bà Nguyễn Thị B1 đang quản lý, bà B1 và các con bà có quyền tháo dỡ xây dựng nhà mới để đảm bảo cuộc sống cho bà B1 là phù hợp.

Đối với việc chia tài sản chung và di sản của ông Nguyễn Tấn Ilà 01suất ruộng, tại phiên tòa các bên thống nhất thỏa thuận, phần tài sản của bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Kh1 được chia suất ruộng thống nhất giao cho ông T1, phần di sản của ông I giao cho ông H1, nên thỏa thuận chia như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Văn T1 thửa số 09, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2 và thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^{2-}. Tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có sơ đồ kèm theo.

- Giao cho ông Nguyễn Văn H1 Hai thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 và thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2. Tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có sơ đồ kèm theo.

2.4.Đối với tài sản trên đất, tại phiên tòa các bên thống nhất thỏa thuận: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận để ông T1 có nghĩa vụ thối lại một phần xây dựng tường rào và giếng đóng, cây dừa (có trên phần đất mà ông T1 nhận) cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 20.800.000đ, phần đất do anh B2 và anh Kh đã nhận có tường rào nên bà H không yêu cầu trả lại.

Các tài sản khác không tranh chấp nên Tòa không xét

Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí định giá là 13.000.000đ trong đó bà Kh1 tự nguyện chịu 2.0000đ, ông T1 tự nguyện chịu 9.000.000đ, ông H1 chịu 800.000đ, anh Kh và anh B2 cùng chịu 1.200.000đ. Chi phí tạm ứng định giá bà Kh1

nộp 2.000.000đ, ông T1 nộp 9.000.000đ, ông H1 nộp 2.000.000đ, nên anh Kh và anh B2 cùng trả lại cho ông H1 1.200.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được nhận kỷ phần chia thừa kế bao nhiêu phải chịu án phí tương ứng với kỷ phần đó. Bà H đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.Tiền tạm ứng án phí ông T1, ông H1 đã nộp được khấu trừ vào án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Kh1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 213, Điều 219, Điều Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 651, Điều 652, Điều 660 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễm, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 đối với di sản của cụ Nguyễn Tấn Iđể lại là 1/2 thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2 , tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị B1 1/2 thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2 Tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chấp nhận yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Tấn Ivà yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị B1 đối với các suất ruộng gồm 04 thửa đất ruộng gồm thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2; thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2; thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2, thửa số 09, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2, tất cả các thửa đất đều tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Tấn Igồm: bà Nguyễn Thị B1 và 07 người con chung gồm Nguyễn Thanh C3 (chết năm 2017), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th3, Nguyễn Thị Kh1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T1. Ông C3 chết có 03 con là Nguyễn Thanh Kh Nguyễn Vĩnh B2 và Nguyễn Thị Hồng Kh1 là người thửa kế thế vị của ông C3.

3. Xác định di sản của cụ Nguyễn Tấn Iđể lại là ½ thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2 nên có diện tích là 519,45m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 319,45m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Nên mỗi kỷ phần mà mỗi đồng thừa kế được nhận là 57,7m^2, trong đó có 22,2m^2 đất ở và 35,5m^2 đất đất trồng cây hàng năm khác.

Xác định ½ còn lại của thửa đất còn lại là tài sản của bà Nguyễn Thị B1 được

chia có diện tích là 519,45m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 319,45m^2 đất đất trồng cây hàng năm khác.

4. Xác định tài sản chung và di sản của ông I: Gồm 04 thửa đất ruộng gồm thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2; thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2; thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2, thửa số 09, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2, tất cả các thửa đất đều tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

5. Cách chia di sản và tài sản chung cụ thể như sau:

5.1 Chia di sản của ông Nguyễn Tấn Ivà tài sản chung của bà Nguyễn Thị B1 như sau:

-Chia kỷ phần của ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Kh1 cho ông Nguyễn Văn T1 nhận. Đồng thời chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị B1 là ½ thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.038,9m^2, phần bà B1 giao cho ông Nguyễn Văn T1 được nhận là có diện tích là 519,45m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 319,45m^2 đất đất trồng cây hàng năm khác. Vì vậy giao cho ông Nguyễn Văn T1 được nhận phần đất còn lại có diện tích 804,8m^2 (trong đó có 311m^2 đất ở và 493,8m^2 đất đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11 tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có giới cận Tây giáp phần đất chia cho Nguyễn Thanh Kh và Nguyễn Vĩnh B2, Đông giáp đất thửa 281, 339, Nam giáp đất ở thửa 337 và 338, Bắc giáp đường đi, có sơ đồ kèm theo, thửa đất hiện do bà Nguyễn Thị B1 đang quản lý.

-Chia cho Nguyễn Thanh Kh và Nguyễn Vĩnh B2 nhận kỷ phần của ông Nguyễn Thanh C3, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Th3 và 01 kỷ phần công sức thờ cúng, tổng cộng 234,1 m^2 (88,8 m^2 đất ở và 145,3m^2 đất vườn) thuộc thửa thửa đất số 309, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tọa lạc Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định , có giới cận Tây giáp đất ở thửa 336, Đông giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn T1, Nam giáp thửa 337, Bắc giáp đường, thửa đất hiện do bà Nguyễn Thị B1 đang quản lý, có sơ đồ kèm theo.

Anh Nguyễn Thanh Kh và anh Nguyễn Vĩnh B2 cùng có nghĩa vụ thối lại cho ông Nguyễn Văn H1 bằng giá trị tiền là 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu đồng).

5.2.Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về chia tài sản chung là ruộng trong đó có 01phần suất ruộng là di sản của ông Nguyễn Tấn I:

Giao cho ông Nguyễn Văn T1 được quyền sử dụng thửa số 9, tờ bản đồ số 9 diện tích 601,3m^2 và thửa số 176, tờ bản đồ số 5, diện tích 537,5m^2 Tọa lạc tại Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có sơ đồ kèm theo hiện do ông T1 đang quản lý.

Giao cho ông Nguyễn Văn H1 được quyền sử dụng 02 thửa số 34, tờ bản đồ số 9, diện tích 496,9m^2 và thửa số 408, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,4m^2. Tọa lạc tại

Thôn B, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định có sơ đồ kèm theo, hiện do ông H1 đang quản lý.

5.3 Đối với tài sản trên thửa đất: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H, về việc: Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả lại một phần chi phí xây dựng tường rào và giếng đóng, cây dừa cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 20.800.000đ (Hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng).

Các tài sản khác không tranh chấp nên Tòa không xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6.Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí định giá là 13.000.000đ trong đó bà Kh1 tự nguyện chịu 2.0000đ, ông T1 tự nguyện chịu 9.000.000đ, ông H1 chịu 800.000đ, anh Kh và anh B2 cùng chịu 1.200.000đ. Chi phí tạm ứng định giá bà Kh1 nộp 2.000.000đ, ông T1 nộp 9.000.000đ, ông H1 nộp 2.000.000đ, nên anh Kh và anh B2 cùng trả lại cho ông H1 1.200.000đ.

7.Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh Kh và Nguyễn Hữu Bằng cùng phải chịu 595.000đ, ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 7.418.000đ, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 4.969.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Bà H được miễn án phí. Tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp3.050.000đ theo biên lai thu tiền số 0001396, và số 0001585, ngày 11/01/2023 và ngày 13/6/2023 được khấu trừ vào án phí nên ông T1 còn phải nộp 1.919.000đ.Tiền tạm ứng án phí ông H1 đã nộp300.000đ theo biên lai thu tiền số số 0001586, ngày 13/6/2023 được khấu trừ vào án phí nên ông H1 còn phải nộp 7.118.000đ. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kh1 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001587, ngày 13/6/2023.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(ngày 23/01/2024). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bích Thủy